

“CẢI LƯƠNG HƯƠNG CHÍNH” Ở NAM KỲ THỜI THUỘC PHÁP

Dương Văn Triêm()*

*Hồ Thị Thanh(**)*

“Cải lương hương chính” chữ Hán “改良鄉政” nghĩa là “sửa đổi” hay “thay đổi chế độ trong hương thôn”; tiếng Pháp “*réforme des communes annamites*”. Ngoài ra trong tiếng Pháp còn có những từ khác đề cập đến “cải lương, cải cách” *réformes, perfectionner, moderniser, renouveler*.

Khi nói đến “cải lương”, người ta thường nghĩ chỉ có xảy ra ở Bắc kỳ. Do đây là vùng đất bảo hộ, nên người Pháp cần thiết phải cải cách để nắm làng xã nơi đây; chứ ít ai nghĩ đến ở Nam kỳ vùng đất thuộc địa cũng cần thiết phải cải lương.

Xét về thời gian, quá trình cải lương diễn ra ở Nam kỳ trước, rồi sau mới đến Bắc kỳ và Trung kỳ.

Công cuộc cải lương của Pháp ở Nam kỳ, đến nay vẫn còn những nhận định khác nhau.

Sự chưa thống nhất này, xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nhưng suy cho cùng vấn đề nằm ở khâu tài liệu. Việc thiếu nguồn tài liệu gốc đã làm cho việc nhận định bị hạn chế, như câu chuyện “*Thầy bói xem voi*”. Đa phần người ta chỉ sử dụng tài liệu thứ cấp, thành ra sai của người này, người “*sao chép*” sau cũng sai theo, dẫn đến “*sai dây chuyên*”. Đơn cử 2 trường hợp sau đây:

(1) *Đại hương cả là chức cao hơn Hương cả.*

Theo châu tri¹ số 222 ngày 24 tháng 11 năm 1916, của Thống đốc Nam kỳ, hương chức giữ chức Hương cả từ đủ 3 năm thì sẽ được phong làm Đại hương cả. Đại hương cả là chức danh, chứ không phải chức vụ và cũng không phải là chức lớn hơn Hương cả.

(2) *Đợt cải lương vào năm 1904, Pháp tách chức năng hành chính của nhà việc ra khỏi đình làng.*

Việc tách “*chức năng hành chính của nhà việc ra khỏi đình*” là tách cái gì, tách ra làm sao và tách để làm gì?

Đình làng là trụ sở làm việc của Bàn hội tề (được gọi chung là nhà việc, nhà hội đồng, tòa đốc lý, nhà công sở) nếu làng nào có điều kiện, có *công nho* (budgets communaux - ngân sách địa phương) thì xin cất trụ sở riêng, còn không thì vẫn dùng đình làng.

(*) Thạc sĩ, Hội KHLS Đồng Tháp, Email: dvtriem@gmail.com. Điện thoại: 0972. 574 080

(**) Trường THPT Thành phố Cao Lãnh. Email: hothithanh.c3tpcaolanh@moet.edu.vn

¹ *Châu tri* (circulaire) lời của quan trên dành cho quan dưới, còn có từ khác: note postale, Renseignements (thông báo).

Nghị định năm 1904, Nghị định 1927 hay Nghị định 1944 cũng không nói gì đến việc tách cơ học trụ sở làm việc hay tách về mặt quản lý nhà việc ra khỏi đình làng.

Bằng chứng là vào năm 1912, đình Vĩnh Phước ở tỉnh Sa Đéc vẫn làm còn được dùng làm “nhà việc”.

Từ thực tế đó cho thấy, khi nghiên cứu về cải lương ở Nam kỳ thời thuộc Pháp vẫn còn nhiều vấn đề cần làm sáng tỏ. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi không có tham vọng giải quyết hết tất cả những nội dung còn có tính vấn đề mà chỉ dừng lại ở một số nội dung cơ bản cũng là mấu chốt của công cuộc cải lương hương chính.

Để biết rõ hơn người Pháp đã làm được gì và chưa làm được gì trong công cuộc cải lương ở Nam kỳ, điều chúng ta xét trước tiên là tổ chức làng xã ở Nam kỳ trước khi diễn ra cải lương.

1. Tổ chức làng xã ở Nam kỳ trước khi cải lương

1.1. Thành phần hương chức

Khi người Pháp mới đến Nam Kỳ, tổ chức làng nguyên thủy đã không thay đổi. Làng vẫn được quản lý bởi một *Hội hương chức* (Conseil de notables), làng tự tuyển dụng, các thành viên của Hội hương chức được chọn trong số những người có ảnh hưởng và giàu nhất trong làng.

Làng có tầm quan trọng của nó và phạm vi lãnh thổ của nó được gọi là “*thôn*” hoặc “*xã*”. Trong cách gọi dân gian, được chỉ định dưới tên “làng”. Nó được chia thành các cấp: *xóm* (bourgs), *lý* (hameaux) và *ấp* (quartiers).

Hương chức làng được phân cấp và chia thành *hương chức lớn* (grands notables) và *hương chức nhỏ* (petits notables).

Hương chức lớn (Grands Notables)

Hương Cả	H. Chủ	H. Chánh	H. Nhứt	H. Nhị	H. Lão	H. Sư	H. Trưởng	H. Quản	H. Lễ	H. Nhạc	H. Ấm	H. Văn	H. Thân, H.Hào
-------------	-----------	-------------	------------	-----------	-----------	----------	--------------	------------	----------	------------	----------	-----------	----------------------

Xã trưởng	Thủ bộ	Thủ chỉ	Thủ bốn	Thủ khoán	Câu đương	Cai đình
-----------	--------	---------	---------	-----------	-----------	----------

Xã trưởng, Lý trưởng hay Đốc lý là trung gian chính thức giữa làng và chính quyền cấp trên. Mặc dù “*Xã trưởng*” còn được gọi là “*Đốc lý*”, nhưng không phải là hương chức trong Bàn hội tề² và không có gì giống với Chủ tịch hội đồng xã bên Pháp. Xã trưởng chỉ có chức năng điều hành và có thứ bậc thấp hơn “*hương*”.

Hương chức nhỏ (Les Petits Notables)

Hương chức nhỏ có thể được chia thành ba “*hạng*”: *giúp việc Hương chức lớn*, *phụ tá* của đốc lý và *thư ký* của làng.

² Trong bài viết này dùng từ “*bàn*” chứ không dùng từ “*ban*” đây là cách dùng phổ biến theo xưa: Bàn hội đồng cai quản, Bàn trị sự... v.v.

Tri lễ, Tri sự	Tri đình	Biện đình	Ông từ	Tri râu	Tri khách	Tri văn			
Phó xã, Phó lý	ấp trưởng	Thám trưởng	Cai binh	Binh cần?	Cai thôn	Cai thị	Cai tuần (hương tuần, tuần phiên)	Trùm: Trùm việc, Trùm dịch	Trùm chợ
Biện (Biện lại)									

Ngoài những thành phần được kể trên, còn có “Trưởng”³, lực lượng đặc biệt giúp sức cho Xã trưởng khi cần.

Hương chức hội tề họp nhau ở đình chùa của làng, nơi đây xem như là ngôi nhà chung của làng “*nhà việc*” (maison commune). Các cuộc họp của Hội đồng được công khai; có Hương chức nhỏ tham dự.



Nhà việc ở Bà Rịa [12, tr. 82]



Nhà việc (hoặc tòa đốc lý “mairie”) ở Sa Đéc [11, tr. 218]

Để giải quyết các vấn đề chung của làng xã, Hội đồng Hương chức họp vào các ngày cố định, thường 2 lần/năm, tại các lễ hội mùa xuân và mùa thu. Trong trường hợp khẩn cấp, Hương cả hoặc Đốc lý có quyền triệu tập.

Hương chức lớn mới có quyền biểu quyết những việc quan trọng của làng. Còn những công việc thường ngày được quyết định xử lý bởi 1 hoặc 2 người trong số Hội đồng, ở phạm vi quyền hạn được cho phép.

1.2. Những hạng dân

Những thành phần không trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào công việc quản trị của làng xã hay nói cách khác không thuộc hội đồng hương chức, trong bài viết này đều xếp chung là “hạng dân”. Hạng dân được chia thành nhiều thứ, có vai trò vị trí khác nhau.

³ Khi Xã trưởng cần một số người giúp sức cho việc thi hành mệnh lệnh cần thiết, Xã trưởng có quyền huy động thêm một số người. Tùy theo từng làng, được phân công riêng người làm công việc này; đó là “*Trưởng*”, những nhân viên canh sát của làng, nhưng họ không phải là dịch mục.

Giai hạng (佳 項) là những người đàn ông từ 18 trở lên, không đảm nhiệm việc dân hay việc quan.

Ở làng quê, những công việc do quan trên đưa xuống: *làm đường, canh phòng đê điều...* đều do tầng lớp giai hạng đảm nhận. Trừ trường hợp giai hạng có tiền mua nhiều thì công việc sẽ được miễn trừ.

Lão hạng (老 項), theo “*Dictionnaire annamite-français*” của Jean Bonet, là những người đàn ông từ 55 tuổi trở lên chỉ đóng phân nửa số tiền thuế thân và được miễn hoàn toàn lao dịch⁴.

Lão nhiều (老 饒), những người đàn ông trên 62 tuổi, được miễn tất cả thuế thân và lao dịch⁵. Phân biệt lão nhiều với thầy nhiều, là những người học trò đã đi thi đỗ qua các kì thi; có nơi gọi là thầy khóa.

Giới hạn độ tuổi của các hạng dân, chưa thống nhất ở một số tài liệu. Ví dụ, trong Nhân danh tạp chí của Phạm Xuân Lộc:

- Giai hạng 18-49 tuổi;
- Lão hạng 50-59 tuổi
- Lão nhiều từ 60 tuổi trở lên.

Sự không thống nhất này, có lẽ tùy theo thời điểm lịch sử, tùy theo làng mà có sự quy định khác nhau.

1.3. Các “hàng” hương chức

Trong thành phần hương chức mặc dù chia thành các bậc hạng, được quy định nhiệm vụ, chức trách khác nhau nhưng không phải tất cả các thành viên trong tổ chức đều “thực làm”. Dựa vào đặc điểm này, chia hương chức thành “2 hàng”: “*Hương chức thôn hội*” (Notables hors Conseil) và “*Hương chức hội tề*” (Notables du Conseil).

* *Những người thuộc hàng thứ nhất không tham gia vào công việc quản lý của làng, gồm:*

- Các ủy viên của Hội đồng hương chức lớn: Kế hiện, Cả trưởng, Chủ trưởng, Thám trưởng, Chánh bá, Bồi bá, ... Họ được chọn trong số những người lớn tuổi trong làng hoặc những người giàu và có ảnh hưởng. Họ không có vai trò trong quản lý hành chính, nhưng vẫn được mọi người rất kính trọng. Họ thay mặt dân làng chủ trì các lễ hội quan trọng;

- Hương chức phụ trách về những việc liên quan đến quan, hôn, tang, tế tại làng xã: Hương lễ, Hương văn...;

- Những hương chức nhỏ giúp việc cho thành viên Hội đồng làng: Hương thân, Cai thị, Cai thôn và các cấp phó của những hương chức này: Phó Hương hào...

⁴ Classe des hommes au-dessus de 55 ans (terme administratif) ne payant que la moitié de la contribution personnelle et étant totalement dispensés des corvées. [10, tr. 343]

⁵ Classe des hommes au-dessus de 62 ans dispensés de toute charge personnelle. [10, tr. 343]

* *Những người thuộc hàng thứ nhì*: Hương cả, Hương sư, Hương chủ, Hương quản, ... trực tiếp tham gia công việc của làng.

Những làng nhỏ có: Xã trưởng, Hương thân, Hương hào, Cai đình, một vài Trùm và một Ký lục. Đối với làng lớn, thì số lượng hương chức có sự tăng thêm.

Không có hương chức nào được trả lương, tuy nhiên ở hầu hết các làng những thành viên của Hội đồng nhận được một phần đất công, thay cho thu nhập, bù đắp cho họ trong thời gian làm việc làng và các chi phí phát sinh.

Riêng Cai tuần không được cấp ruộng đất, chỉ nhận được từ mỗi chủ đất một bó lúa nhỏ trên mỗi cánh đồng lúa... Loại “*bổng lộc*” này được gọi là “*lúa swong*”, tức là “*com của swong*” (le riz de la rosée) chỉ dành cho những người trực tiếp đi tuần, khi giám sát mùa thu hoạch...

Mặc dù công việc không được nhận lương, nhưng các thành viên của Hội đồng làng xã phải gánh trách nhiệm lớn.

Ba hương chức chấp hành (trois notables instrumentaires): Xã trưởng, với sự giúp đỡ của *Hương thân* và *Hương hào* phụ trách việc thu thuế. Nếu thất thu sẽ bị xử phạt, hay tự ý giảm thuế hoặc không thu với những trường hợp bị thiên tai mất mùa... cũng đều bị tội. Thuế phải nộp về *kho bạc* (trésor) đúng số lượng và đúng thời hạn. Đảm bảo tuyển mộ lính cơ cho tỉnh, đủ số lượng theo quy định, cung cấp khi giới cho triều đình trong 5 năm.

Đồng thời có trách nhiệm, có phương tiện tham gia bảo vệ sự yên bình cho làng và thực hiện nhiệm vụ tư pháp.

Làm việc không lương, nhưng công việc lại nhiều, lại phải chịu trách nhiệm và hiệu quả về công việc... nên dần dần tổ chức làng xã ngày càng giảm sự thu hút đối với hương chức. Nghĩa là không ai muốn tham gia làm việc ở làng xã nữa.

Xét ở một khía cạnh khác, những hương chức lớn có xu hướng mất hứng thú với các vấn đề của làng. Trong khi đó, những hương chức thừa hành chịu mọi trách nhiệm hiệu quả đối với công việc làng, bị quá tải bởi vô số nhiệm vụ. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của hương chức lại không cao.

Để tăng hứng thú cho hương chức làng vấn đề chính yếu là phải “*giảm trách nhiệm – tăng quyền lợi*”, việc này nói thì dễ nhưng để tiến hành thì rất khó vì liên quan đến nhiều yếu tố trong đó có ngân sách.

2. Các nghị định cải cách chủ yếu

Mốc thời gian diễn ra cải lương hiện còn có những ý kiến khác nhau, do cách tiếp cận khác nhau. Nhưng riêng trong bài viết này, chúng tôi lấy mốc thời gian vào ngày 28 tháng 8 năm 1903, được đánh dấu bằng bài phát biểu của Toàn quyền Đông Dương Beau, mở đầu cho quá trình cải lương ở Nam kỳ.

“Hệ thống quản trị đã tồn tại trong một thời gian dài, ở Nam kỳ, để lại vai trò phụ trợ cho chính quyền của chúng ta, chỉ có những cai tổng và những hương chức. Hành động của họ có lẽ là đủ, nếu chúng ta chăm sóc để giữ cho làng xã bản địa nguyên vẹn...”

Và khi thực hiện chính sách trực trị, nhiệm vụ của làng xã giống như cỗ máy, chỉ việc nhận nhiệm vụ từ trên xuống và thực hiện.

“...Các vị trí của hương chức được những người nghiêm túc coi là một sự đáng sợ. Trong giai đoạn này, việc tuyển dụng đã trở nên khó khăn hơn và tầm thường hơn. Chính quyền làng xã không còn tuân theo lệnh từ trên chuyển xuống. Tổ chức chính thức của làng xã sẽ sớm được thay thế, nếu chúng ta không cẩn thận, một tổ chức huyền bí sẽ thoát khỏi tầm quyền của chúng ta”.

Xuất phát từ những nhận định này cộng với những bất cập trong chế độ lương thưởng, chất lượng hoạt động của hương chức...v.v đã dẫn đến một cuộc cải lương lớn trên toàn cõi Nam kỳ.

Nội dung cải cách được thể hiện qua các nghị định sau đây:

2.1. Ủy ban nghiên cứu cải cách năm 1903

Ngày 16 tháng 8 năm 1903, theo đề nghị của Hội đồng quản hạt⁶ và ý kiến của các quan chủ tỉnh, Thống đốc Nam kỳ quyết định thành lập “Ban nghiên cứu cải cách Hội đồng hương chức”.

Ban cải tổ đã thông qua một số vấn đề quan trọng.

- Về số lượng và thành phần hương chức:

Sau một thời gian dài trao đổi quan điểm, Ban thống nhất rút số hương chức làng xuống còn 11 thành viên. Riêng chức vụ “Chủ tịch Hội đồng hương chức” trước đây nói chung do Hương cả là người nắm giữ. Nhưng cũng có trường hợp khác ở tỉnh Bà Rịa, Hương chủ nắm quyền chủ tịch đã có truyền thống lâu đời.

Cuối cùng, theo quy tắc được thông qua, Hương cả được xếp ở hạng nhất và Hương chủ ở vị trí thứ hai với tư cách là Phó chủ tịch. Danh sách hương chức và hệ thống phân cấp Hội đồng hương chức được điều chỉnh: *Hương cả, Hương chủ, Hương sư, Hương trưởng, Hương chánh, Hương giáo, Hương quản, Hương bộ (Thủ bộ), Hương thân, Xã trưởng (Thôn trưởng), Hương hào.*

Các thành phần còn lại, để cho làng tự thêm bớt, nhằm đảm bảo cho bộ máy được hoạt động trơn tru.

Chánh lục bộ, chức việc coi bộ đời (officier de l'état-civil), người làm nhiệm vụ hộ tịch, được đưa vào hàng hương chức làng. Luật pháp thừa nhận và hợp pháp hóa nhiệm vụ của chánh lục bộ đã được chính quyền đặt ra từ hơn 20 năm trước.

Như vậy, lần nghiên cứu cải cách này “*Thủ bộ*”, “*Xã trưởng*” và “*Chánh lục bộ*” được nâng lên hàng “*hương*”.

- Về trách nhiệm hương chức:

Các hương chức và dân làng phải chịu trách nhiệm liên đới trong những trường hợp:

⁶ Hội đồng quản hạt Nam kỳ (conseil Colonial) thành lập ngày 8 tháng 2 năm 1880.

(1) Thu thuế, tất cả hương chức được đề nghị đều phải là điền chủ để có thể liên đới trách nhiệm về việc thu thuế;

(2) Điền lính;

(3) Phá hoại dây thép, điện tín chạy qua làng;

(4) Phá hoại cây cối, rừng bụi trong các làng có hưởng huê lợi từ rừng và không thể tìm ra thủ phạm;

(5) Rượu và nha phiến lậu trong những trường hợp không xác định được kẻ buôn lậu.

Nghị định của Toàn quyền Beau, ngày 20 tháng 12 năm 1902⁷ quy định trách nhiệm làng của các hương chức nếu phát hiện ở làng có việc buôn và bán rượu lậu. Hương chức phải nộp tiền phạt nếu người phạm tội không chịu hoặc không trả được.

Nhiều hương chức đã phản đối về nghị định này. Vì vậy, theo ý kiến của chủ tỉnh, Ban cải tổ thông nhất thông qua đề nghị giới hạn trách nhiệm của hương chức và làng. Trong trường hợp, làng không biết được người phạm tội và hương chức cũng không biện minh được là không liên đới thì mới chịu trách nhiệm.

- Về phụ cấp đi đường:

Trước đây các hương chức và dịch mục không hưởng lương, chỉ được hưởng một số quyền lợi vật chất khác.

Theo Nghị định ngày 3 tháng 2 năm 1886, điều thứ nhất kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1886, tiền thưởng cho Xã trưởng trong việc thu thuế thân. Tùy vào số dân chịu thuế mà có mức tiền thưởng khác nhau nhưng không được hơn 1/5 số tiền thuế của cả làng.

Tiền thưởng thu thuế mỗi năm	làng										
	100 dân trở xuống	101-200	201-300	301-400	401-500	501-600	601-700	701-800	801-900	901-1000	1000 dân trở lên
16 đồng	20	24	28	32	34	36	38	40	42	44	44

Nguồn [2, tr. 74]

Nay ban cải tổ lần đầu tiên đề cập đến chế độ phụ cấp cho các hương chức, đề mong một phần nào đó, quyền lợi vật chất sẽ kích thích tinh thần làm việc của hương chức.

Quan chủ tỉnh, hay các cá nhân quan tòa có trách nhiệm thì các hương chức được hưởng phụ cấp tiền đi lại và lưu trú.

- Về quyền tư pháp của hương chức:

⁷ Nghị định quy định những vấn đề liên quan đến việc nấu và bán rượu ở Đông Dương (Arrêté relatif au régime des alcools en Indo-Chine).

Trước theo truyền thống, Hương chức có quyền xét xử và trừng phạt dân làng không chịu tuân theo mệnh lệnh.

Giới cai trị thành viên của ban cải tổ muốn duy trì và hợp pháp hóa truyền thống này. Nên trong dự thảo nghị định sửa đổi cho phép: Hương chức có quyền giam giữ tối đa tới 3 ngày ở đình làng những người vi phạm và làm cản trở điều hành công việc làng của hương chức.

Giới tòa án phản đối, vì cho rằng không thể biến cá nhân hoặc tập thể hương chức thành quan tòa. Mặc dù thực tế có hương chức vẫn đánh đập, bắt giam những ai không chấp hành mệnh lệnh nhưng không thể hợp pháp hóa.

Theo nội dung Nghị định ngày 6 tháng 1 năm 1903 và ngày 24 tháng 2 năm 1903, đã hủy bỏ chức năng tư pháp của người bản xứ. Và quyền tư pháp được trao cho quan chủ tỉnh hoặc tòa án.

Như vậy, nội dung nghị định soạn thảo của ban cải tổ hợp pháp hóa quyền tư pháp cho hương chức là trái với tinh thần của những nghị định đã ban hành trước đó.

2.2. Nghị định ngày 27 tháng 8 năm 1904

Nghị định năm 1904, được ban hành dựa trên bản dự thảo nghị định của “Ban nghiên cứu cải cách Hội đồng hương chức” soạn thảo năm 1903. Được trình lên Hội đồng Tư vấn (Conseil Privé) để kiểm tra, sau khi thảo luận tất cả các nội dung đã thực hiện sửa đổi nhỏ một số điều khoản nhỏ, không quan trọng.

Đoạn cuối, điều 4: “Các vị trí khuyết trong Hội tề, hương chức hiện diện phải theo tục lệ mà cử người thay thế”. Được sửa đổi: “*Các vị trí khuyết trong hội đồng được bổ sung theo lệ làng. Nếu có bất đồng, quan Tham biện, Chủ tỉnh là người quyết định cuối cùng*”.

Thành phần và số lượng hương chức vẫn được giữ nguyên so với dự thảo năm 1903 là 11 thành viên. Riêng Chánh lục bộ nhận nhiệm vụ trông coi bộ đời (état civil) (sinh, tử và hôn thú) nhưng vẫn chưa chính thức xếp vào hàng hương chức làng.

Theo tục lệ chữ “tri” là chữ dùng cho hàng quan nên chức việc coi bộ đời không được dùng để trước chức của mình “Chánh tri” hay “Phó tri”.

Quyền tư pháp của hương chức được quy định ở chương thứ III, “*Quyền kỉ luật của hội đồng hương chức và của các thành viên - Treo chức và cách thức các hương chức*”. Hương chức được tạm giam người phạm tội tại đình làng.

Điều 11, quy định: “*Các hương chức có thể tạm giam ở đình làng những người dân vi phạm các quy định của lệ làng cũng như của chính quyền, nhằm đảm bảo kiểm soát cũng như hoạt động khác của làng, số ngày tạm giam không vượt quá 3 ngày...*”

Điều 12, *Các hương chức có thể giam giữ tại đình làng những người say xỉn, gây rối hoặc gây âm ỉ trong làng, nhưng không được quá 24 giờ.*

Quyền tư pháp của hương chức bị hạn chế nhiều so với trước, hương chức không có quyền xét xử, tra khảo người phạm tội. Các hương chức đương nhiệm chỉ được phép giam giữ tại đình làng trong thời gian cần thiết phục vụ điều tra không chính thức và sơ bộ, cho tới khi hồ sơ và người bị buộc tội được gửi tới toà án. Trong

mọi trường hợp, việc giam giữ người bị buộc tội tại đình làng chỉ diễn ra trong thời gian ngắn.

Chương thứ V, quy định về việc trợ cấp và phí công vụ:

Mọi hương chức được chính quyền Pháp triệu đi làm việc ngoài nơi cư ngụ theo điều 8 của nghị định này: *hợp theo trát (ordre écrit) của quan chủ tỉnh, giấy gọi của quan tòa, các viên chức khác cần hợp đại diện làng hoặc các công sở khác.*

Như vậy, hẳn là việc công cần đi lại thì các hương chức đều được hưởng trợ cấp đi lại.

Các hương chức được xếp hạng 4 trong bảng đính kèm theo Nghị định ngày 22 tháng 02 năm 1902, trong đó quy định các mức trợ cấp lưu trú và đi đường đối với nhân viên bản xứ. Khoản tiền trợ cấp được khấu trừ vào ngân sách của chính quyền triệu tập hương chức và chỉ được trả khi trình giấy triệu tập.

Các khoản chi phí đi lại phục vụ cho việc trưng thu thuế và các hoạt động khác của làng, chi phí dẫn giải đến tòa những người phạm tội thuộc các khoản công nho làng chi.

Dự thảo nghị định được sửa đổi đã được đệ trình lên Toàn quyền Đông Dương Beau ký ban hành tại Hà Nội, người ký ngày 27 tháng 8 năm 1904. Gồm 5 phần, 31 điều; Thống đốc Nam kỳ Rodier chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Nghị định năm 1904, sau một vài năm áp dụng, đã trở thành đối tượng bị chỉ trích mạnh mẽ.

Ngay từ năm 1916, Thống đốc Nam kỳ đã gửi cho các quan Chủ tỉnh một châu tri “*Tìm cách kích thích sự hứng thú của hương chức*”. Châu tri này bắt đầu như sau: “*Trong khi chờ xem xét việc sửa đổi Nghị định ngày 27 tháng 8 năm 1904, cơ hữu của Hội đồng hương chức ở Nam kỳ, tôi đã dễ dàng nhận ra ở một số hương chức ... giảm lòng nhiệt thành ... những người có ảnh hưởng ngày càng quay lưng lại với nhau hơn mỗi ngày*”. “*Tìm cách kích thích sự hứng thú của hương chức*” bởi nghị định năm 1904 không đạt hiệu quả như mong muốn.

Năm 1916, Thống đốc Nam kỳ tiếp tục ban hành châu tri thêm biệt đãi cho hương chức:

Hương chức đương chức hay nghỉ hưu giữ chức Hương cả, sau khi giúp việc được 12 năm thì được hưởng sự cúng tế đưa đón của làng lúc lâm chung và được thưởng khuê bài, phân biệt với quan bài hương chức⁸.

⁸ Theo Nghị định ngày 3 tháng 8 năm 1939 của quan Thống đốc Nam kỳ, thì các Hương chức Hội tề đều mang 1 miếng Kim loại bên ngực trái đó là Quan bài.

- Đại Hương cả, mang Quan bài bằng vàng;
- Các hương chức còn lại mang bằng bạc,

Quan bài có 3 kiểu:

- Kiểu thứ nhất cho Đại hương cả, Hương chủ, Hương sư;
- Kiểu thứ nhì cho Hương trưởng, Hương chánh, Hương giáo, Hương quản và Hương bộ;
- Kiểu thứ ba cho Hương thân, Xã trưởng, Hương hào và Chánh lục bộ.

Hương chức đương chức dù giữ chức gì, khi mất được làng tổ chức đưa đám.

Trong phiên họp ngày 8 tháng 12 năm 1922, Hội đồng quản hạt Nam kỳ họp đề nghị cấp hàng tháng cho 5 hương chức có vai trò nổi bật ở làng: Hương cả, Hương thân, Hương hào, Hương quản và Xã trưởng. Mức phụ cấp được tính:

- Hương cả từ 6 đến 60 đồng;
- Hương quản từ 4 đến 40 đồng;
- Hương thân từ 3 đến 30 đồng;
- Hương hào từ 3 đến 30 đồng;
- Xã trưởng từ 5 đến 50 đồng.

Nhưng đề nghị này không được nhiều Chủ tỉnh ủng hộ và tán thành.

2.3. Nghị định ngày 30 tháng 10 năm 1927

Nếu vào thời điểm người Pháp mới đến Nam kỳ, quyền lực của các hương chức là không thể bàn cãi.

Những thành viên trong Hội đồng hương chức được quyền tự do hành động, quyền tư pháp và hành chính rộng rãi. Họ hoạt động gần như không ai kiểm soát và Chính quyền Trung ương ít để ý đến những gì đang diễn ra trong các làng miễn là các chỉ thị của họ được thực hiện. “*Tục dân hơn lệ vua*”, tức là lệ làng được ưu tiên hơn luật do nhà vua ban hành, đã được chấp nhận mà không cần bàn cãi.

Những hạn chế có tính chất truyền thống này, cùng với một số hạn chế khác mà Nghị định năm 1904 vẫn chưa khắc phục được.

Trước tình hình trên, ngày 18 tháng 6 năm 1925, Thống đốc Nam kỳ ký quyết định thành lập ban xét lại nghị năm 1904 và chuẩn bị tiếp tục cải cách. Ủy ban họp lần đầu tiên vào ngày 21 tháng 10.

Để thuận lợi cho công việc, Thống đốc Nam kỳ yêu cầu tất cả các quan Chủ tỉnh cho ý kiến về hoạt động của Hội đồng hương chức và gửi tất cả các đề xuất về dự kiến cải cách.

Ngày 30 tháng 10 năm 1927, Toàn quyền Alexandre Varenne tiếp tục ký nghị định tiến hành cải cách ở Nam kỳ.

Nghị định gồm 5 chương và 32 điều.

Quan bài làm bằng hợp kim pha vàng hoặc bạc, trên quan bài có khắc chức tước, tên làng và tỉnh.

Công nho (budgets communaux) (tức ngân sách địa phương) của mỗi làng sẽ xuất tiền mua quan bài cho hương chức. Làm mất quan bài sẽ phải bồi thường.

Trường hợp các Đại hương cả không có giúp việc cho Hội tề, cũng được phép mang quan bài, nhưng phải tự bỏ tiền ra mua.

Xã trưởng: Theo Nghị định ngày 30 tháng 12 năm 1871, Xã trưởng mang dây băng tam sắc có 2 gù tua bạc; dây băng do nhà nước cấp.

Nếu làm mất, Xã trưởng được quyền xin cấp lại, nhưng phải trả tiền.

Dây băng được truyền liên tiếp cho nhiều đời Xã trưởng.

Trong nghị định lần này *Hội đồng hương chức lớn* (Conseil de grands notables) đổi thành *Hội đồng hương chức* hay *Bàn hội tề* (Conseil de notables). Việc thay đổi này chấm dứt sự phân chia “*Hội đồng hương chức lớn*” và “*Hội đồng hương chức nhỏ*” như ở những giai đoạn trước.

Chánh lục bộ chính thức được xếp vào hàng hương chức, Hội đồng hương chức số lượng từ 11 giờ nâng lên 12 thành viên.

Điều kiện để được đứng vào Bàn hội tề, quy định ở điều 3 từ Nghị định năm 1904 nay Nghị định năm 1927 được mở rộng hơn: *ngoài những điền chủ và dân giàu còn thêm viên chức về hưu...*

Về phụ cấp, trong Nghị định lần này (1927) được quy định tương đối cụ thể. Hương cả, Hương chủ và Hương sư được xếp vào viên chức hạng ba. Các hương chức khác xếp vào hạng tư, phụ cấp theo Nghị định 13 tháng 6 năm 1927:

Hạng hương chức	Một phụ cấp trọn	Phụ cấp trả cho		
		1 bữa ăn 11h30	2 bữa ăn 19h	1 đêm ngủ ngoài
3e ⁰	0\$90	0\$30	0\$60	0\$30
4e ⁰	0\$60	0\$20	0\$40	0\$20

Nguồn [4, tr. 12]

Đối với quan lại bản xứ, lương và phụ cấp gia đình không được tăng. Chỉ có quan lại ở Sài Gòn, Gia Định, Nhà Bè, Cap St.Jacques được phụ cấp khu vực. Nhưng số phụ cấp ấy có thể bị giảm đi hoặc không có. Về ngạch cao đẳng và trung đẳng số tiền đó là 15\$ và 5\$ cho viên chức đã có vợ và 4\$ cho mỗi con. Ngạch hạ đẳng 3\$, 2\$ cho vợ và 1\$ cho mỗi con.

Tuy theo quy định quan lại được hưởng phụ cấp nhưng thực tế rất ít người được hưởng.

Trong mỗi làng hương chức, hương chức thu thuế được lãnh tiền phụ cấp. Nhưng có trường hợp những tỉnh mà nền sản xuất tư sản còn mới, có những điền chủ lớn đóng thuế trên 100\$, họ sẽ nộp trực tiếp cho kho bạc. Hương chức chỉ thu thuế của những điền chủ nhỏ; như vậy số tiền huê hồng cũng sẽ giảm theo.

Châu tri số 80-B ngày 18 tháng 2 năm 1939 của Thống đốc Nam kỳ, tiếp tục tăng thêm những biệt đãi:

Hương chức đương nhiệm khi ốm đau nằm nhà thương, công nho làng chịu một phần chi phí.

Hương cả, Hương chủ và Hương sư được xếp vào viên chức hạng ba; Ví dụ năm phòng 2\$0 thì công nho làng chỉ thanh toán 1\$40.

Các hương chức khác được xếp vào hạng tư; ví dụ năm phòng 1\$50 thì công nho làng thanh toán 1\$0.

Tuy nhiên những biệt đãi này, thông thường chỉ nằm ở dạng “giấy tờ” chứ chưa đi vào thực chất.

2.4. Nghị định ngày 5 tháng 1 năm 1944

Toàn quyền Decoux, ký một nghị định về làng xã Nam kỳ, nội dung nghị định này về cơ bản không khác chỉ sửa đổi hoặc nói rõ một số điều của Nghị định ngày 30 tháng 10 năm 1927.

Về thành phần được lựa chọn vào Hội đồng hương chức, ngoài nội dung như điều 3 của Nghị định năm 1927, thì còn bổ sung thêm bằng cấp: *dân bản xứ có ít nhất một bằng cao đẳng tiểu học Pháp – Việt hoặc một bằng cấp tương đương, có thể được miễn đảm nhiệm các cấp bậc thấp để lên cấp bậc cao hơn.*

Nội dung nghị định lần này đã có bước tiến mới so với trước.

3. Vấn đề “Hương kiểm điền”

Trong mỗi làng, Pháp đặt ra một chức Hương kiểm điền, chọn ra từ Hương chủ, Hương sư, Hương chánh, Hương giáo, để phụ trách những việc liên quan đến ruộng lúa: *tu bổ ruộng đất, lựa chọn giống...v.v*

Hương kiểm điền là phụ tá viên của Sở lúa gạo (OIR), phải viên trong các cuộc đo đạc đất, giúp sức cho viên chức sở khám đạc điền.

Tranh chấp giữa các điền chủ, Hương kiểm điền có trách nhiệm báo về tỉnh.

Việc giao thiệp giữa sở lúa gạo và Hương kiểm điền phải thông qua Tòa bố.

Theo điều 26, ngày 30 tháng 10 năm 1927, Hương kiểm điền được hưởng phụ cấp khi thi hành việc công.

Nghị định của Toàn quyền, ngày 13 tháng 9 năm 1940, Hương kiểm điền và các phụ tá viên khác của Sở lúa gạo được hưởng 2% tiền bán lúa cho Sở mễ cốc.

Như vậy, *Hương kiểm điền* là chức vụ kiêm nhiệm, tuy cũng là “Hương” nhưng không phải là chức vụ nằm trong Bàn hội tề.

Nhìn chung công cuộc cải lương của Pháp ở Nam kỳ tập trung chủ yếu vào tinh giản nhân sự và tăng “lợi lộc” để kích thích tinh thần làm việc của hương chức. Hạn chế quyền tư pháp của hương chức làng, gán trách nhiệm và công việc cho từng hương chức cụ thể.

Nhưng do công cuộc cải lương mang nặng tính quan liêu nên khó đi vào thực tế. Kết quả mà công cuộc cải lương đạt được là góp phần làm phá vỡ cấu trúc làng xã truyền thống bước đầu hình thành cấu trúc làng xã mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ernest Outrey (1905), *Tân thư tổng lý qui điều*, Imprimerie Commerciale Ménard & Rey, Saigon.
2. Ernest Outrey (1928), *Tân thư tổng lý qui điều*, Imprimerie J. Viet & Fils, Saigon.
3. P. Kresser (1935), *La commune Annamite en Cochinchine*, Les éditions domat-montchrestien, Paris.

4. Đào Văn Hội (1941), *Công việc làng*.
5. Hoàng Hằng (2017), *Tổ chức quản trị cấp xã tại Nam Kỳ thời Pháp thuộc*, Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, tại trang <http://www.archives.gov.vn/Pages...> [truy cập ngày 20/6/2017].
6. Ngô Văn Hòa (1983), *Tổ chức quản lý xã thôn và cộng đồng làng xã ở Nam kỳ thời thuộc Pháp*, Thư viện số (Đại học Quốc gia Hà Nội), tại trang https://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU_123/68803 [truy cập ngày 28/3/2022].
7. Tô Văn Qua (1930), *Các sách thuế chánh ngạch trong xứ Nam kỳ*, Imprimerie de l'union Nguyễn Văn Cửa, Saigon.
8. Huỳnh Ngọc Nhuận (1939), *Cùng quý vị cử tri*, Cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt (Hội đồng quản hạt dự cử quận thứ 5).
9. Phạm Xuân Lộc (2016), Nhân danh tạp chí, Nhà xuất bản Thế giới, École Pratique des Hautes Études, École française d'Extrême-Orient.
10. Jean Bonet (1900), *Dictionnaire annamite-français*, Imprimerie Nationale, Paris.
11. ? (1912), *La Dépêche coloniale illustrée, en Cochinchine La province de Sadec*.
12. ? (18...), 190 Cartes postales de Cochinchine.